

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
(Kèm theo Thông báo số: 1901/TB-SYT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Sở Y tế)

TT	Lĩnh vực, tên TTHC	Mã TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 30%	Tổng số ngày cắt giảm so với quy định	Ghi chú
I	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh					
1	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012278.H21	70 ngày	49 ngày	21 ngày	
2	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012279.H21	20 ngày	06 ngày	14 ngày	
3	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012280.H21				
	Trường hợp 1: Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm.		20 ngày	14 ngày	06 ngày	
	Trường hợp 2: Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.		70 ngày	49 ngày	21 ngày	
4	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	1.012281.H21	15 ngày	10 ngày	05 ngày	
5	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	1.002464.H21	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
6	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000562.H21	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	

TT	Lĩnh vực, tên TTHC	Mã TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 30%	Tổng số ngày cắt giảm so với quy định	Ghi chú
7	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo.	1.000511.H21	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
II	Lĩnh vực Dược phẩm, Mỹ phẩm					
8	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004593.000.00.00.H21	30 ngày	21 ngày	09 ngày	
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004585.000.00.00.H21	30 ngày	21 ngày	09 ngày	
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004576.000.00.00.H21	15 ngày	10 ngày	05 ngày	

TT	Lĩnh vực, tên TTHC	Mã TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 30%	Tổng số ngày cắt giảm so với quy định	Ghi chú
11	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004571.000.00.00.H21	15 ngày	10 ngày	05 ngày	
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.002399.000.00.00.H21	30 ngày	21 ngày	09 ngày	
13	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	1.004516.000.00.00.H21	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	09 ngày làm việc	
14	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	1.003963.000.00.00.H21	10 ngày	07 ngày	03 ngày	
15	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	1.002600.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
16	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003055.000.00.00.H21	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	09 ngày làm việc	
17	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003064.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
18	Đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	1.003001.000.00.00.H21	30 ngày	21 ngày	09 ngày	

TT	Lĩnh vực, tên TTHC	Mã TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 30%	Tổng số ngày cắt giảm so với quy định	Ghi chú
19	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	1.002952.000.00.00.H21	30 ngày	21 ngày	09 ngày	
20	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT	1.002934.000.00.00.H21	10 ngày	07 ngày	03 ngày	
21	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	1.002258.000.00.00.H21	30 ngày	21 ngày	09 ngày	
22	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại	1.002339.000.00.00.H21	30 ngày	21 ngày	09 ngày	
23	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	1.002292.000.00.00.H21	30 ngày	21 ngày	09 ngày	
24	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	1.002235.000.00.00.H21	10 ngày	07 ngày	03 ngày	
25	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	1.009407.000.00.00.H21	30 ngày	21 ngày	09 ngày	
26	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	1.009566.000.00.00.H21	03 ngày	02 ngày	01 ngày	
27	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003073.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	

TT	Lĩnh vực, tên TTHC	Mã TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 30%	Tổng số ngày cắt giảm so với quy định	Ghi chú
28	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	1.002483.000.00.00.H21	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
29	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	1.000662.000.00.00.H21	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
30	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	1.000793.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
31	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000990.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
III	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng					
32	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003108.000.00.00.H21	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
33	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003332.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
34	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003348.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
35	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của ủy ban nhân dân	1.002425.000.00.00.H21	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	06 ngày làm việc	

TT	Lĩnh vực, tên TTHC	Mã TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 30%	Tổng số ngày cắt giảm so với quy định	Ghi chú
	cấp tỉnh					
IV	Lĩnh vực Y tế dự phòng					
36	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	2.000655.000.00.00.H21	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
37	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	1.003580.000.00.00.H21	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
38	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.002944.H21	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
39	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	1.002467.H21	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
40	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.004070.H21	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
41	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.004062.H21	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
42	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.002564.H21	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
43	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.001189.H21	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	

TT	Lĩnh vực, tên TTHC	Mã TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 30%	Tổng số ngày cắt giảm so với quy định	Ghi chú
44	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	1.001178.H21	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
45	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	1.001114.H21	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
	Tổng cộng: 45 thủ tục hành chính					